

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh); xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

- Xác định rõ nội dung trọng tâm, phân công trách nhiệm chủ trì và trách nhiệm phối hợp giữa tỉnh Quảng Nam và các bộ, ngành trung ương nhằm thống nhất từ nhận thức đến hành động trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

- Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện Quy hoạch tỉnh; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

- Đảm bảo tính thực tiễn, khả thi, linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu; “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” để làm đòn bẩy tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông, tổng thể. Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động

nguồn vốn; sớm đưa dự án đầu tư vào sử dụng, bảo đảm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Dự án đầu tư công và dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan của cấp có thẩm quyền về đầu tư công.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh từ nguồn vốn ngân sách nhà nước nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã, đang thực hiện và bố trí đầu tư mới trong từng giai đoạn được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công.

- Ưu tiên các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, có tính kết nối liên vùng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng của tỉnh; tăng cường hạ tầng kết nối các địa phương với Cảng hàng không quốc tế Chu Lai; hạ tầng y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng thông tin, truyền thông, chuyển đổi số, hạ tầng lưới điện, hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, hạ tầng nghề cá... bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch về khoảng cách giàu - nghèo.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải và nghĩa trang; quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh; hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và phát triển bền vững; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo của tỉnh.

b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; trong đó, ưu tiên thu hút các

nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế phát triển tập trung theo đúng định hướng 02 vùng kinh tế - 02 cụm động lực - 03 hành lang phát triển.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: hạ tầng giao thông vận tải; hạ tầng logistics, hệ thống sân bay, cảng biển, bến cảng đường thủy nội địa; nguồn điện và lưới điện, hệ thống cấp nước sạch; tài nguyên, môi trường, xử lý chất thải; khai thác khoáng sản; hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các khu nông, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao; các khu đô thị, khu du lịch, khu thể thao; cơ sở hạ tầng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, an toàn theo hướng tăng cường liên kết chuỗi, ứng dụng công nghệ tiên tiến, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển rừng bền vững trên cơ sở tăng chất lượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, phát triển thị trường tín chỉ carbon rừng, chuyển đổi rừng sản xuất, phát triển các loại cây dược liệu dưới tán rừng với sâm Ngọc Linh là sản phẩm chủ lực để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu tự nhiên. Thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương theo chiều sâu, tạo giá trị gia tăng cao; phát triển nghề cá từng bước hiện đại.

c) Danh mục dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện

Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo phương án phát triển các ngành, lĩnh vực. Quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam triển khai thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

3. Nguồn lực thực hiện Quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm trên 8% trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 630.000 tỷ đồng trong toàn thời kỳ quy hoạch, cụ thể:

Thời kỳ	Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội	Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹		Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước		Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	
	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%)	(Tỷ đồng)	(%)	(Tỷ đồng)	(%)
2021 - 2030	630.000	121.720	19,3	417.940	66,3	90.340	14,4
2021 - 2025	208.000	45.760	22,0	135.200	65,0	27.040	13,0
2026 - 2030	422.000	75.960	18,0	282.740	67,0	63.300	15,0

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch; chương trình, đề án và liên kết vùng

a) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và các quy hoạch không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Phân đầu đến năm 2025, hoàn thành việc rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Chương trình, đề án, cơ chế phát triển và liên kết vùng

- Xây dựng các Chương trình, đề án đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Quảng Nam dựa trên 04 trụ cột chính là du lịch; công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp năng lượng; thương mại, dịch vụ logistics và nông, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng xây dựng, hoàn thiện thể chế của vùng, xác định những đề án trọng tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển vùng, phát triển ngành (cả nước) gắn với tư duy mở, cơ chế vượt trội, tập trung nguồn lực nhà nước đủ tầm cho kích hoạt, kết nối nguồn lực tư nhân, tạo tăng trưởng lan tỏa

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ Trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

trong toàn vùng theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu triển khai, xây dựng hoặc phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương xây dựng các đề án cơ chế chính sách phát triển, liên kết vùng gắn với lộ trình thực tiễn tổ chức thực hiện. Phối hợp chặt chẽ với thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi trong công tác liên kết phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó: chú trọng liên kết quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng; liên kết Khu kinh tế mở Chu Lai với Khu kinh tế Dung Quất để hình thành Trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực; liên kết, quảng bá xúc tiến du lịch Quảng Nam với các địa phương.

(Chi tiết danh mục các quy hoạch, chương trình, đề án, cơ chế phát triển và liên kết vùng tại Phụ lục II kèm theo)

2. Giải pháp về thu hút đầu tư phát triển

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những dự án phát huy hiệu quả cao, các dự án quan trọng, cấp bách, có tính đột phá, lan tỏa; nâng cao tỷ lệ giải ngân gắn với chất lượng công trình và hoàn thành đúng tiến độ các dự án làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”. Ban hành các quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo nguyên tắc ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống ngân sách địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp đồng bộ với các quy định giám sát, kiểm tra sau phân cấp. Ưu tiên tối đa mọi nguồn lực để bố trí vốn cho đầu tư phát triển, theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên.

- Căn cứ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và khả năng cân đối ngân sách của địa phương để triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đảm bảo hoàn thành các chương trình, dự án; đặc biệt là dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch. Phối hợp triển khai tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư để sớm triển khai hoàn thành các dự án đầu tư của Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Chú trọng thu hút đầu tư có chọn lọc, các dự án đầu tư nước ngoài, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi giá trị sản xuất và cung ứng trong khu vực và toàn cầu. Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn, các nhà đầu tư có thương hiệu, có tiềm lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài vào các lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên,

khuyến khích đầu tư, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khác trong tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; tăng cường, đổi mới công tác xúc tiến đầu tư; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư; mở rộng phạm vi xúc tiến đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu để thu hút các dự án đầu tư lớn, phục vụ các ngành, lĩnh vực theo định hướng phát triển của tỉnh. Xây dựng Đề án thu hút nhà đầu tư FDI có thương hiệu vào tỉnh Quảng Nam.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng cơ chế chính sách cụ thể, đột phá nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng cho phát triển kinh tế - xã hội; tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế, đặc biệt đối với các ngành trọng điểm về công nghiệp chế biến, dược liệu, dược phẩm, mỹ phẩm, chế tạo, xây dựng, du lịch, hàng không, cảng biển.

- Thu hút, kêu gọi đầu tư theo mô hình đô thị đại học để trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao hàng đầu đối với một số lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp sử dụng lao động, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp. Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, bảo đảm năng lực ở mọi lĩnh vực.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

a) Về bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế carbon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Nâng cao nhận thức tạo sự thống nhất cao về thực hiện các cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu; hướng dẫn các cơ sở triển khai thực hiện các quy định về giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

- Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm; thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các dự án xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung mới được tiếp nhận doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư hoạt động.

- Phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên trên tất cả các ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, lưu vực các sông, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và xử lý ô nhiễm giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung.

- Tận dụng các điểm mạnh về rừng và không gian sinh thái đặc thù của tỉnh để thực hiện phân tích, nhận dạng và phát triển các dự án có tiềm năng phát hành tín chỉ carbon theo các tiêu chuẩn.

- Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh,...), đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà phù hợp điều kiện thực tế, nhu cầu của tỉnh; dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

b) Về khoa học và công nghệ

- Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin dựa trên nền tảng số đối với tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội; nghiên cứu ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng thành công chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

5. Giải pháp về bảo đảm an sinh xã hội

- Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, các hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho hộ nghèo được tiếp cận các nguồn vốn vay từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm nhằm phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững. Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và bảo đảm thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Triển khai hiệu quả các chính sách đối với người có công, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế. Mở rộng mạng lưới an sinh xã hội; tổ chức hiệu quả các chính sách và pháp luật về trẻ em, các chương trình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

6. Giải pháp về bảo đảm nguồn lực tài chính

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách gắn với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, “lợi ích nhóm”.

- Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng vốn; tăng tỷ trọng các nguồn thu ngân sách bền vững; tăng cường giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử; tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách, đảm bảo công bằng và minh bạch đối với các thành phần kinh tế...

- Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và huy động nguồn lực từ tài chính đất đai.

7. Giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thể trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh; phát huy hiệu quả thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả các quy hoạch trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo quy định.

- Xây dựng lực lượng quân sự chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, sớm hoàn thành việc xây dựng trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

a) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 8509/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới Nhân dân, các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, các tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để biết, hiểu, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án, phương án phát

triển các ngành, lĩnh vực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

đ) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; định kỳ đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.